

Số: ~~171~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày ~~15~~ tháng ~~11~~ năm 2018

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn
thành phố Hà Nội.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Xét Tờ trình Liên ngành số 288/TTrLN: NN&PTNT-TC ngày 16/10/2018 của Liên Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính về việc Ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020;

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét Ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội với các nội dung cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Luật phí và lệ phí có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017, sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được chuyển từ danh mục phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá.

Điểm a, Khoản 2, Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017 quy định: “UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được HĐND cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định”.

Điểm d, Khoản 3, Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “Quyết định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 35 Luật Thủy lợi và quy định pháp luật khác có liên quan”.

Tại Điều 3, Quyết định số 1050a/QĐ-BTC quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 quy định “ Căn cứ mức giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành nhưng

không được vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định này”.

Do đó, cần thiết ban hành Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo phù hợp quy định Luật thủy lợi năm 2017 và quy định pháp luật khác có liên quan.

II. Căn cứ pháp lý.

- Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

III. Nội dung Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội đề nghị ban hành bằng mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018- 2020. Ngoài ra, bổ sung thêm nội dung “Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị” theo quy định tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC, cụ thể như sau:

1. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Khu vực các xã miền núi	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.811
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539

2	Khu vực đồng bằng	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.646
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399
3	Khu vực các xã vùng trung du, bán sơn địa	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.433
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

1.1. Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần, mức giá bằng 60% mức giá biểu trên.

1.2. Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực, mức giá bằng 40% mức giá trên.

1.3. Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực, mức giá bằng 50% mức giá trên.

1.4. Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích (kể cả diện tích do các Công ty thủy lợi tỉnh ngoài phục vụ), mức giá dịch vụ công ích thủy lợi cho tưới bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định biểu trên.

1.5. Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá biểu trên.

1.6. Đối với trường hợp diện tích canh tác một vụ lúa, một vụ cá thu bằng mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa tương ứng.

2. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất không sử dụng vào mục đích trồng lúa:

2.1. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông, mức giá dịch vụ công ích thủy lợi được tính bằng 40% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

2.2. Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu: mức giá bằng 1.020 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực. Nếu không tính được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho 1 năm.

2.3. Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản: mức giá bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 600 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực; Nếu không thu được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 2.500.000 đồng/ha/năm. Đối với trường hợp chỉ cấp nước tạo nguồn hoặc nuôi trồng thủy sản 01 vụ/năm, mức giá bằng 50% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi trên.

3. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị, mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội nêu trên được áp dụng từ ngày 01/01/2019.

(Kèm theo Dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc Ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020).

Trên đây là đề xuất Ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- VP: Thành ủy, ĐDBQH và HĐND TP;
- Đ/c CVP, các PCVP, TH, KT, TKBT;
- Lưu VT, KT. *AM*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2018

DỰ THẢO NÀY THAY
THẾ DỰ THẢO LẦN 1

NGHỊ QUYẾT

Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XV- KỲ HỌP THỨ 7

(từ ngày /12/2018 đến ngày /12/2018)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày /11/2018 của Ban Đô thị của Hội đồng nhân dân Thành phố; kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội trên cơ sở giá tối đa sản phẩm dịch vụ công

thủy lợi do Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; ban hành quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm có quy định mới của Trung ương./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Các bộ: NN&PTNT, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP Thành ủy, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Các cơ quan thông tấn báo chí của TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH 

Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC
Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn thành phố Hà Nội.

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày /12/2018 của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Khu vực các xã miền núi	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.811
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Khu vực đồng bằng	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.646
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399
3	Khu vực các xã vùng trung du, bán sơn địa	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.433
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

1.1. Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần, mức giá bằng 60% mức giá biểu trên.

1.2. Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực, mức giá bằng 40% mức giá trên.

1.3. Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực, mức giá bằng 50% mức giá trên.

1.4. Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích (kể cả diện tích do các Công ty thủy lợi tỉnh ngoài phục vụ), mức giá dịch vụ

công ích thủy lợi cho tưới bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định biểu trên.

1.5. Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá biểu trên.

1.6. Đối với trường hợp diện tích canh tác một vụ lúa, một vụ cá thu bằng mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa tương ứng.

2. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất không sử dụng vào mục đích trồng lúa:

2.1. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông, mức giá dịch vụ công ích thủy lợi được tính bằng 40% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

2.2. Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu: mức giá bằng 1.020 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực. Nếu không tính được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho 1 năm.

2.3. Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản: mức giá bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 600 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực; Nếu không thu được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 2.500.000 đồng/ha/năm. Đối với trường hợp chỉ cấp nước tạo nguồn hoặc nuôi trồng thủy sản 01 vụ/năm, mức giá bằng 50% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi trên.

3. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị, mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội nêu trên được áp dụng từ ngày 01/01/2019.